

Số: 170/KH-UBND

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết 71-NQ/TW); Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính Phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết 281/NQ-CP); Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 05/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW (Chương trình hành động số 06-CTr/TU); UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả và cụ thể hóa đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 281/NQ-CP, Chương trình hành động số 06-CTr/TU.

2. Xác định các nhiệm vụ cụ thể để các sở, ngành, địa phương triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 281/NQ-CP, Chương trình hành động số 06-CTr/TU và Kế hoạch này; bảo đảm tinh thần “5 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và phù hợp với định hướng phát triển, thực tiễn của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của tỉnh thông qua đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ; thúc đẩy khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Bắc Ninh trở thành địa phương thuộc nhóm dẫn đầu cả nước

về tiềm lực giáo dục và đào tạo, đạt trình độ phát triển tiên tiến trong khu vực châu Á, góp phần đưa tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm đà bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

a) Ban hành và triển khai Kế hoạch truyền thông về Nghị quyết số 71-NQ/TW trên các phương tiện thông tin đại chúng theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền gắn với tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 71-NQ/TW bằng nhiều hình thức phù hợp. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nội dung phát triển giáo dục đào tạo trong tư duy quản trị quốc gia, quản trị xã hội gắn với định hướng, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh. Tổ chức các hội nghị, hội thảo để phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp học. Biên soạn các tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với cán bộ công chức, viên chức ngành giáo dục và với phụ huynh học sinh. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về giáo dục đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

b) Các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân, nhất là người đứng đầu cần tập trung tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, thể hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

c) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt, tập trung vào kết quả đầu ra. Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo thành một trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện.

d) Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng, nhất là vai trò người đứng đầu cấp ủy trong các cơ sở giáo dục. Không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thỏa thuận quốc tế). Thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục.

e) Phát động các phong trào thi đua tạo động lực cho thầy, trò nâng cao chất lượng giáo dục. Kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các chuyên gia, nhà khoa học, nhà giáo, các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển giáo dục và đào tạo, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Tổ chức các sự kiện để nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo

a) Thường xuyên rà soát để kịp thời phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc các rào cản về cơ chế, chính sách đột phá phát triển giáo dục và đào tạo để kiến nghị sửa đổi, bổ sung và tham mưu ban hành các chính sách đặc thù, vượt trội, ưu tiên bố trí ngân sách triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đột phá, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

c) Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tích hợp quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2045, đồng bộ với việc triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch chung của tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trong từng giai đoạn 5 năm, 10 năm phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, tham mưu ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo đột phá cho phát triển giáo dục và đào tạo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục. Dành quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo.

d) Xây dựng và thực hiện tốt các văn bản quy định chính sách về giáo dục như: chính sách tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và tốt nghiệp ở các trường đại học có uy tín; chế độ thu hút, ưu đãi giáo viên giỏi có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tự nguyện về công tác trong tỉnh; hỗ trợ giáo viên công tác tại vùng có

điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, giáo viên các trường ngoài công lập; chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chính sách cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo, cán bộ quản lý công tác tại vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách khuyến khích xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; chính sách hợp tác và đầu tư với nước ngoài trong giáo dục và đào tạo; chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh hợp tác công tư; mở rộng hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo.

đ) Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính. Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo tài năng, ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ.

e) Thành lập quỹ học bổng và phát triển nhân tài tỉnh Bắc Ninh nhằm tuyên dương và trao thưởng cho các tài năng tiêu biểu, góp phần trong việc nuôi dưỡng niềm đam mê, phấn đấu cho sự nghiệp học tập và cống hiến trí tuệ, sức lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của quê hương, đất nước.

g) Triển khai thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục theo từng giai đoạn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng quy chế về cơ chế hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ chế thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó lấy việc xây dựng Đề án thành lập trung tâm Đổi mới sáng tạo của tỉnh làm nhiệm vụ hạt nhân.

h) Hàng năm phải bảo đảm phân bổ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo trên 20% tổng chi ngân sách tỉnh, đáp ứng các ngưỡng chi tiêu đột phá cho chi đầu tư (ít nhất 5%) theo yêu cầu của Nghị quyết số 71-NQ/TW và Nghị quyết 281/NQ-CP.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Bắc Ninh thời đại mới

a) Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách và hệ giá trị chuẩn mực con

người Việt Nam; đề cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương. Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, đào tạo. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Thực hiện phương châm “thầy ra thầy, trò ra trò” trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả quy định của UBND tỉnh trong quyết định số 35/2025/QĐ-UBND tỉnh trong việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình xã hội để giáo dục học sinh.

b) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, trọng tâm là xây dựng văn hóa học đường, văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo.

c) Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác bảo đảm an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành các chuẩn mực giá trị phẩm chất, đạo đức con người Bắc Ninh trong đó chú trọng tới các yếu tố như: truyền thống hiếu học; tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giàu lòng yêu quê hương, đất nước; có ý chí tự lực tự cường, khát vọng vươn lên; có lối sống lành mạnh, trọng nghĩa, trọng tình, trung thực, đoàn kết, sáng tạo; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, Quy ước của cộng đồng dân cư; ham học hỏi, hiểu biết về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước, ...

đ) Xây dựng cơ chế để học sinh, sinh viên được học tập, trải nghiệm với các hoạt động giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm thông qua sự tham gia của chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên.

e) Chú trọng nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các đơn vị trường học; triển khai hiệu quả chương trình sửa học đường theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ sửa trong các cơ sở giáo dục trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục thể chất góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

g) Xây dựng các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt ma túy học đường.

4. Chuyển đổi số toàn diện và quản trị giáo dục thông minh

a) Thực hiện chiến lược dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục; phát triển nền tảng giáo dục thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát. Hoàn thành cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn tỉnh theo mã định danh cá nhân theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi toàn tỉnh. Triển khai đề án đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng, triển khai các ứng dụng và công cụ giáo dục số thông minh như: sách giáo khoa thông minh, giáo trình thông minh, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà, phòng thí nghiệm và thực hành ảo, hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến hiện đại hướng tới lớp học thông minh, trường học thông minh.

d) Tăng cường bồi dưỡng năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm.

đ) Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm 100% dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

e) Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm tích hợp với thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động/việc làm để quản lý và dự báo chính xác cung - cầu nhân lực.

g) Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Rà soát, ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đến năm 2030, tập trung chuẩn hóa kỹ năng quản lý và phương pháp giảng dạy hiện đại. Đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo gắn với ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

a) Bố trí đủ biên chế giáo viên, nhân viên trường học theo định mức quy định, phù hợp từng năm học, đặc biệt là đối với các cấp học mầm non, phổ thông.

b) Xây dựng các chương trình, đề án đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo về thẩm quyền: tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên, biệt phái nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

c) Đẩy mạnh huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; tập trung kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng phát triển các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian sáng tạo, vui chơi và rèn luyện thể chất. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035.

d) Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại. Xây dựng chính sách phát triển giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông công lập.

đ) Chủ động rà soát hệ thống cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông đã xuống cấp để khắc phục, sửa chữa, bổ sung. Nghiên cứu định mức, tiêu chuẩn đầu tư công để chống xuống cấp hệ thống cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

e) Tập trung rà soát, sắp xếp lại các điểm trường, trường phổ thông có nhiều cấp học cho phù hợp với địa bàn, bảo đảm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nguồn nhân lực.

g) Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, bảo đảm đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

h) Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật. Tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan.

i) Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn. Tạo nền tảng tốt từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông. Xây dựng chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi liên thông từ cấp THCS đến THPT, tạo điều kiện trong công tác tìm kiếm, phát hiện, bồi dưỡng nhân tài từ sớm.

k) Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; triển khai giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các trường phổ thông; triển khai dạy ngoại ngữ 2 ở trường THPT Chuyên Bắc Ninh, THPT Chuyên Bắc Giang và các trường trung học cơ sở trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

l) Đổi mới mô hình trường chuyên, trường năng khiếu để tập trung ươm tạo nhân tài, mở rộng các lớp chuyên khối STEM/STEAM. Xây dựng kế hoạch phát triển các trường THPT chuyên và các trường THCS trọng điểm nhằm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài mang tính chiến lược lâu dài cho tỉnh, cho đất nước.

m) Thực hiện quy hoạch, đầu tư, phát triển hệ thống trường chuyên biệt, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú.

n) Bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm đủ thiết bị tối thiểu theo quy định để tổ chức dạy học; kinh phí để đảm bảo các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo người học và thực hiện cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả các học sinh trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

o) Xây dựng trường lớp, nhà công vụ cho giáo viên theo thiết kế tổng thể được quy định trong văn bản của Bộ xây dựng.

6. Hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

a) Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng trở thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng chất lượng cao; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo gắn với ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo cùng các lĩnh vực công nghệ chiến lược, từ nguồn ngân sách nhà nước. Triển khai, thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của tỉnh. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo, ứng dụng công nghệ, quản trị chất lượng, bảo đảm hiệu quả, thực chất theo các tiêu chuẩn quốc tế. Triển khai chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào dân tộc thiểu số ở ngành nghề phù hợp.

c) Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

d) Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nhân lực chuyên sâu cho các ngành công nghiệp mũi nhọn. Triển khai có hiệu quả và nghiên cứu mở rộng nội hàm, đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng Nghị quyết Ban hành Quy định một số chính sách về hỗ trợ đào tạo nhân lực trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và hợp tác quốc tế đào tạo nhân lực phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025-2030.

e) Triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình trung học nghề dành cho người đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở.

7. Xây dựng khu đô thị đại học kiểu mẫu, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

a) Rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch để ưu tiên dành quỹ đất sạch, tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án mở rộng không gian phát triển cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các khu đô thị công nghệ cao - đại học, ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới, trở thành đầu tàu, nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín. Đẩy mạnh thu hút các trường Đại học để đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đào tạo đại học của vùng.

d) Xây dựng chương trình hợp tác, kết nối giữa các cơ sở giáo dục phổ thông với các trường đại học, học viện, khu đô thị đại học trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo

a) Mở rộng, đa dạng hóa và làm sâu sắc hơn các cơ chế hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thúc đẩy đàm phán, ký kết các

thỏa thuận, hiệp định về hợp tác giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng, phát triển giáo dục quốc tế.

b) Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đang học tập, công tác tại Bắc Ninh đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo. Đẩy mạnh thu hút các trường Đại học để đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đào tạo đại học của vùng.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại phụ lục II)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ các nguồn kinh phí sau:

- Ngân sách nhà nước.
- Huy động các nguồn lực xã hội hóa.
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì thực hiện kế hoạch, triển khai kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, đề án của Trung ương nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục đào tạo phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo.

b) Phối hợp với các cơ quan thông tin, các sở, ban ngành liên quan và UBND cấp xã để triển khai thông tin tuyên truyền về Kế hoạch này.

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện.

d) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; lựa chọn các tập thể, cá nhân có

thành tích tiêu biểu trong giáo dục và đào tạo để biểu dương, khen thưởng.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường rà soát, xác định số biên chế sự nghiệp cần bổ sung, trình cấp có thẩm quyền theo quy định để bố trí đủ biên chế giáo viên, nhân viên trường học cho mọi cấp học.

b) Tham mưu xây dựng chính sách chung về thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, trong đó có nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trình các cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, trình UBND tỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, đề án, dự án tăng cường cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường học và xây dựng trường chuẩn quốc gia cho các cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tăng cường thu hút các dự án vốn ngoài ngân sách nhà nước, dự án đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động có hiệu quả các nguồn lực của toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo định hướng hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ hàng năm.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu, triển khai giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường Đại học với các doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan thúc đẩy chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin, an ninh văn hóa trong các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài.

d) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; hình thành không gian sáng tạo, hỗ trợ người học khởi nghiệp gắn với nhu cầu doanh nghiệp địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh góp phần nâng cao hiệu quả kết nối nhà trường - nhà nước - doanh nghiệp.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp rà soát các quy đất đã bồi thường hỗ trợ tái định cư (đất sạch) phục vụ mục đích giáo dục; hướng dẫn công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư, giao đất sạch cho các dự án/đề án về giáo dục đào tạo.

6. Sở Xây dựng

Chủ động rà soát hệ thống cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông đã xuống cấp để khắc phục, sửa chữa, bổ sung. Nghiên cứu định mức, tiêu chuẩn đầu tư công để chống xuống cấp hệ thống cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết 281/NQ-CP và các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, của tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, thể hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác cung cấp thông tin cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, truyền thông về nội dung đột phá phát triển giáo dục đào tạo và một số nhiệm vụ được phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao trong phạm vi của Kế hoạch.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục truyền thống văn hóa chọn học sinh thông qua di tích lịch sử, thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh.

8. Công an tỉnh

a) Xây dựng các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt ma túy học đường.

b) Bảo đảm an ninh văn hóa trong các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

9. UBND các xã, phường

a) Tăng cường quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân, nhất là người đứng đầu

đơn vị, tạo sự thống nhất, đồng thuận và tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo theo Nghị quyết 281/NQ-CP về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương, của tỉnh về phân cấp, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương.

c) Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội về giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, lý tưởng sống, kỹ năng sống; giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học cho học sinh.

d) Ưu tiên nguồn lực đầu tư tăng cường cơ sở vật chất để xây dựng, duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo đúng quy định hiện hành; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý dạy học.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về giáo dục và đào tạo theo thẩm quyền quy định.

Trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, của cơ quan, đơn vị, địa phương xong trong năm 2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh, Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Lợi

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch

/KH-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2030	2035	2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
1	Trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia ¹	%	≥ 94	≥ 96	100	Sở GDĐT
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 ²	%	≥ 55	≥ 60	70	Sở GDĐT
2	Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	%	100% xã, phường	100% xã, phường	100% xã, phường	Sở GDĐT
3	Hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	%	100% các xã, phường	100% các xã, phường	100% các xã, phường	Sở GDĐT
4	Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	≥90	≥92	≥95	Sở GDĐT
	Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương ³	%	-	100% các trường	100% các trường	Sở GDĐT
5	Năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chỉ số năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông	Trình độ năng lực	Đạt kết quả bước đầu	Đạt kết quả bước đầu	Đạt kết quả bước đầu	Sở GDĐT
5.1	Đào tạo, tập huấn ứng dụng AI cho cán bộ quản lý, giáo viên	%	100	100	100	Sở GDĐT
5.2	Học sinh TH được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản	%	≥60	≥80	100	Sở GDĐT

¹ Không kể các trường mới thành lập, chưa đủ thời gian công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

² Trong Nghị quyết 281 không quy định

³ Trong Nghị quyết 281 không quy định chỉ tiêu năm 2030

5.3	Học sinh THCS được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản	%	≥80	≥85	100	Sở GDĐT
5.4	Học sinh THPT được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản	%	100	100	100	Sở GDĐT
6	Chỉ số năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông	Trình độ năng lực	Đạt kết quả bước đầu	Đạt kết quả bước đầu	Đạt kết quả bước đầu	Sở GDĐT
7	Các chỉ tiêu thực hiện đề án quốc gia đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2	Chỉ tiêu	Vượt mức	Vượt mức	Vượt mức	Sở GDĐT
8	Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số	>0,9	>0,9	>0,9	Sở GDĐT
9	Chỉ số bất bình đẳng giáo dục	%	<10	<10	<10	Sở GDĐT
10	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý đạt chuẩn quốc gia	%	≥80	≥85	≥90	Sở GDĐT
11	Trường cao đẳng được đầu tư hiện đại đạt tiêu chí chất lượng cao, đủ năng lực đảm nhiệm vai trò trung tâm vùng	Trường	01	01	01	Sở GDĐT
12	Tỉ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	%	55	60	65	Sở Nội vụ
13	Tỉ lệ người lao động có trình độ trung học nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên	%	25	30	35	Sở Nội vụ
14	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ trong quy mô giáo dục đại học, trong đó:	%	≥40	≥40	≥40	Sở KH-CN
14.1	Nghiên cứu sinh các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ	Người	≥200	≥250	≥300	
14.2	Người học các chương trình tài năng	Người	≥600	≥700	≥1000	
15	Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào	Thứ bậc	Ngang	Ngang	Ngang	Sở KH-CN

	chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)		bằng các tỉnh có thu nhập trung bình cao	bằng các tỉnh có thu nhập trung bình cao	bằng các tỉnh có thu nhập trung bình cao	
16	Số công bố khoa học quốc tế, nguồn thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tăng bình quân hàng năm	%	≥ 12	≥ 12	≥ 12	Sở KH-CN
17	Số đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân hàng năm	%/năm	≥ 16	16,5 ⁴	18 ⁵	Sở KH-CN
18	Phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM/STREAM	Tỉ lệ số phòng/trường	$\geq 1,0$	$\geq 1,2$	$\geq 1,5$	Sở GDĐT

⁴ Theo chỉ tiêu tại Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học công nghệ

⁵ Theo chỉ tiêu tại Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học công nghệ

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO THEO CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ VÀ
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo				
1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP, Chương trình hành động số 06-CTr/TU	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Tháng 11/2025
2	Kế hoạch truyền thông về Nghị quyết số 71-NQ/TW trên các phương tiện thông tin đại chúng theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền bảo đảm có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Tháng 12/2025
3	Xây dựng các chương trình chuyên biệt tuyên truyền về giáo dục và đào tạo trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Báo và phát thanh, truyền hình Bắc Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm thông tin)	Chương trình	Thường xuyên
4	Ban hành Quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển giáo dục và đào	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các xã, phường	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình và theo hướng dẫn của Trung ương

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	tạo hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 71-NQ/TW là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm				năm 2025
5	Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh về thực hiện Chương trình đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 12/2025
II	Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo				
6	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tích hợp quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2045, đồng bộ việc triển khai thực hiện các nội dung Quy hoạch của tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trong từng giai đoạn 5 năm, 10 năm phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Ưu tiên dành quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Thường xuyên
7	Cụ thể hóa, triển khai kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, đề án của Trung ương nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục đào tạo phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn bản triển khai	Thường xuyên, kịp thời

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	đào tạo				
8	Bảo đảm phân bổ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo trên 20% tổng chi ngân sách tỉnh, đáp ứng các ngưỡng chi tiêu đột phá cho chi đầu tư (ít nhất 5%) theo yêu cầu của Nghị quyết số 71-NQ/TW.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Năm 2025 và những năm tiếp theo
9	Thành lập quỹ học bổng và phát triển nhân tài tỉnh Bắc Ninh nhằm tuyên dương và trao thưởng cho các tài năng tiêu biểu, góp phần trong việc nuôi dưỡng niềm đam mê, phấn đấu cho sự nghiệp học tập và cống hiến trí tuệ, sức lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của quê hương, đất nước.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành; các xã, phường	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
10	Xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông công lập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành; các xã, phường	Nghị quyết HĐND	Tháng 12/2025
11	Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính. Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo tài năng, ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; các Sở, ngành; các xã, phường	Văn bản triển khai của tỉnh	Thường xuyên
12	Xây dựng chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; điều kiện về	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; các Sở, ngành, địa phương	Nghị quyết Hội đồng nhân dân	Quý IV, năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; chính sách khuyến khích xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; hợp tác và đầu tư với nước ngoài trong giáo dục và đào tạo.				
13	Xây dựng chính sách cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo, cán bộ quản lý công tác tại vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở Dân tộc và Tuyên giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các địa phương	Nghị quyết Hội đồng nhân dân	Quý IV, năm 2025
14	Xây dựng quy chế về cơ chế hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Quý I, năm 2026
15	Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề án được UBND tỉnh phê duyệt	Quý I năm 2026
16	Xây dựng cơ chế, chính sách vận hành, thu hút nguồn lực; cơ chế khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; hình thành không gian sáng tạo, hỗ trợ người học khởi nghiệp gắn với nhu cầu doanh nghiệp, địa phương.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai và Báo cáo thực hiện	Năm 2025 và những năm tiếp theo
III	Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ gắn với hệ giá trị con người Bắc Ninh thời đại mới				
17	Cụ thể hóa cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn	Kế hoạch giáo dục	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	cách và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, trọng tâm là xây dựng văn hóa học đường, văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo.		tỉnh		
18	Xây dựng Đề án để học sinh, sinh viên được học tập, trải nghiệm với các hoạt động giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm thông qua sự tham gia của chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Nghị quyết HĐND hỗ trợ hoạt động trải nghiệm	Quý I, năm 2026
19	Triển khai hiệu quả chương trình sửa học đường theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ sửa trong các cơ sở giáo dục trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và địa phương	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo
20	Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, trọng tâm là xây dựng văn hóa học đường, văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và địa phương	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo
21	Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền, phổ biến, giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và địa phương	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác bảo đảm an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
22	Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành các chuẩn mực giá trị phẩm chất, đạo đức con người Bắc Ninh trong đó chú trọng tới các yếu tố như: truyền thống hiếu học; tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giàu lòng yêu quê hương, đất nước; có ý chí tự lực tự cường, khát vọng vươn lên; có lối sống lành mạnh, trọng nghĩa, trọng tình, trung thực, đoàn kết, sáng tạo; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, Quy ước của cộng đồng dân cư; ham học hỏi, hiểu biết về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước, ...	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và địa phương	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo
IV	Chuyển đổi số toàn diện và quản trị giáo dục thông minh				
23	Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục; phát triển nền tảng giáo dục thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát. Hoàn thành cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn tỉnh theo mã định danh cá nhân trong năm 2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục	Thường xuyên
	Bổ trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Các địa phương	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi toàn tỉnh.				
24	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển giáo dục và đào tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị	Các cơ sở giáo dục, các địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch hàng năm	Năm 2025 và những năm tiếp theo
25	Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm tích hợp với thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động/việc làm để quản lý và dự báo chính xác cung - cầu nhân lực.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các Sở, ngành, địa phương	Các văn bản của tỉnh	Thường xuyên
26	Triển khai đề án đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các địa phương	Văn bản triển khai	Năm 2025 và những năm tiếp theo
27	Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Rà soát, ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đến năm 2030, tập trung chuẩn hóa kỹ năng quản lý và phương pháp giảng dạy hiện đại. Đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo gắn với ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các địa phương	Văn bản triển khai và Báo cáo thực hiện	Năm 2025 và những năm tiếp theo
28	Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm 100% dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các địa phương	Báo cáo thực hiện	Năm 2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
29	Xây dựng, triển khai các ứng dụng và công cụ giáo dục số thông minh như: sách giáo khoa thông minh, giáo trình thông minh, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà, phòng thí nghiệm và thực hành ảo, hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến hiện đại hướng tới lớp học thông minh, trường học thông minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các địa phương	Văn bản triển khai và Báo cáo thực hiện	Năm 2025 và những năm tiếp theo
V	Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông				
30	Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật. Tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Văn bản triển khai, hướng dẫn	Thường xuyên
31	Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, bảo đảm đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Văn bản triển khai, hướng dẫn	Từ năm 2026
32	Xây dựng Đề án phát triển giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 12/2025
33	Phát triển giáo dục STEM, tổ chức các cuộc thi STEM trong các trường từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai, hướng dẫn	Từ năm 2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
34	Xây dựng đề án phát triển các trường THPT chuyên và các trường THCS trọng điểm .	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Đề án được ban hành	Quý I năm 2026
35	Xây dựng đề án đầu tư trang thiết bị trường học phục vụ chương trình giáo dục mầm non mới, giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Đề án được ban hành	Quý I năm 2026
36	Chủ động rà soát hệ thống cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông đã xuống cấp để khắc phục, sửa chữa, bổ sung. Nghiên cứu định mức, tiêu chuẩn đầu tư công để chống xuống cấp hệ thống cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Các địa phương	Văn bản triển khai, hướng dẫn	Từ năm 2026 và những năm tiếp theo
37	Xây dựng Đề án đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Kế hoạch UBND tỉnh	Thường xuyên
38	Xây dựng Đề án từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Quý I năm 2026
39	Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; triển khai giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện; triển khai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên và theo lộ trình của Bộ GDĐT

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	dạy ngoại ngữ 2 các nơi có điều kiện.				
40	Bổ trí đủ biên chế giáo viên, nhân viên trường học theo định mức quy định, phù hợp từng năm học, đặc biệt là đối với các cấp học mầm non, phổ thông.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
41	Bổ trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm đủ thiết bị tối thiểu theo quy định để tổ chức dạy học; kinh phí để đảm bảo các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo người học và thực hiện cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả các học sinh trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Bộ GDĐT.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương	Báo cáo thực hiện	Từ năm 2025 và theo lộ trình của Bộ GDĐT
42	Thực hiện quy hoạch, đầu tư, phát triển hệ thống trường chuyên biệt, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo thực hiện	Từ năm 2025 và theo lộ trình của Bộ GDĐT
43	Tập trung rà soát, sắp xếp lại các điểm trường, trường phổ thông có nhiều cấp học cho phù hợp với địa bàn, bảo đảm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nguồn nhân lực.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I, II năm 2026
44	Xây dựng trường lớp, nhà công vụ cho giáo viên theo thiết kế tổng thể được quy định trong văn bản của Bộ xây dựng.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch của UBND tỉnh	Theo quy hoạch của tỉnh và lộ trình của Bộ GDĐT
VI	Hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao				
45	Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng trở thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, các trung tâm	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn bản hướng dẫn	Theo lộ trình của Bộ GDĐT

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	nghiên cứu ứng dụng chất lượng cao; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn				
46	Triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp các văn bản của Bộ GDĐT về chương trình trung học nghề dành cho người đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Theo lộ trình của Bộ GDĐT
47	Xây dựng Nghị quyết Ban hành Quy định một số chính sách về hỗ trợ đào tạo nhân lực trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và hợp tác quốc tế đào tạo nhân lực phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Nghị quyết HĐND	Tháng 12/2025
48	Xây dựng chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ đào tạo đối với nhà giáo; hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết HĐND	Quý I, năm 2026
49	Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của tỉnh. Triển khai các chương trình đào tạo nghề chất	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; các địa phương	Báo cáo thực hiện	Từ năm 2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp				
50	Triển khai có hiệu quả và nghiên cứu mở rộng nội hàm, đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Từ năm 2025 và những năm tiếp theo
51	Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của tỉnh. Triển khai các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo thực hiện	Từ năm 2025 và những năm tiếp theo
VII	Xây dựng khu đô thị đại học kiểu mẫu, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo				
52	Rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch để ưu tiên dành quỹ đất sạch, tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án mở rộng không gian phát triển cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo thực hiện	Từ năm 2025 và những năm tiếp theo
53	Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín. Đẩy mạnh thu hút các trường đại học để đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đào tạo đại học của vùng.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hợp tác	Thường xuyên
54	Xây dựng chương trình hợp tác, kết nối giữa các	Sở Giáo dục	Các Sở, ngành,	Văn bản hợp tác	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	cơ sở giáo dục phổ thông với các trường đại học, học viện, khu đô thị đại học trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.	và Đào tạo	địa phương		
VIII	Nhóm nhiệm vụ phục vụ hợp tác, hội nhập quốc tế trong phát triển giáo dục và đào tạo				
55	Mở rộng, đa dạng hóa và làm sâu sắc hơn các cơ chế hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thúc đẩy đàm phán, ký kết các thỏa thuận, hiệp định về hợp tác giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng, phát triển giáo dục quốc tế.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hợp tác	Thường xuyên
56	Xây dựng chính sách hỗ trợ hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh hợp tác với các cơ sở đào tạo quốc tế chất lượng cao.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản hợp tác	Thường xuyên